

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ - ST

Ngày 09/7/2021

"V/v ly hôn giữa chị T và anh C"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q- TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điền.

- Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đàm Chí Thân

2/ Ông Vũ Hồng Gương

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thùy Dung - Là thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị Q xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 381/2020/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXX - ST ngày 07 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021 ngày 23 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Dương Thị T, sinh năm 1975.

Nơi ĐKNKTT: Khu 5, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Lê Đức C, sinh năm 1973.

Nơi ĐKNKTT: Khu 5, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt. (Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Đức C, sinh năm 1973; trú tại khu 5, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tự nguyện kết hôn vào ngày 07/10/1998, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 05 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh Cường tại khu 5, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017, khi ly thân mỗi người sống một nơi khác nhau và không còn quan tâm gì đến nhau nữa, gia đình hai bên cũng đã động viên khuyên giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau, nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

-Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung là Lê Đức D, sinh ngày 04/11/1997; Lê Đức Tr, sinh ngày 17/7/1999 và Lê Đức A, sinh ngày 29/3/2007 (cháu D và cháu Tr đã thành niên). Khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Đức A cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khẳng định quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung hai bên tự thỏa thuận với nhau và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã giao giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh C xong anh C vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án đã lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được do anh Cường vắng mặt làm căn cứ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND phường H, thị xã Q nơi chị T và anh C sinh sống, bà Nguyễn Thị L trưởng khu 5 và ông Bùi Quốc H chủ tịch UBND phường H, thị xã Q cho biết, chị Dương Thị T, sinh năm 1975 và anh Lê Đức C, sinh năm 1973; trú tại: Khu 5, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tự nguyện kết hôn vào ngày 07/10/1998, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh C tại khu 5, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017, khi ly thân mỗi người sống một nơi khác nhau và không còn quan tâm gì đến nhau nữa, gia đình hai bên cũng đã động viên khuyên giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Quan điểm của địa phương nếu hai bên không về đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Quá trình chung sống chị T và anh C có 03 con chung là Lê Đức D, sinh ngày 04/11/1997; Lê Đức Tr, sinh ngày 17/7/1999 và Lê Đức A, sinh ngày 29/3/2007 (cháu D và cháu Tr đã thành niên). Hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi

đưỡng cháu Lê Đức A, nếu vợ chồng không về đoàn tụ được đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của các bên để giao cho người có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS; Thời hạn chuẩn bị xét xử, mở phiên tòa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với các đương sự: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị T đã chấp hành, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 BLTTDS. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Tòa án như cung cấp đúng và đầy đủ các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án, có mặt khi Tòa án triệu tập và có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình trong quá trình giải quyết vụ án và chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định.

Đối với bị đơn anh Lê Đức C đã được tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo cùng các giấy triệu tập của tòa án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C không chấp hành, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 và Điều 234 BLTTDS, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, anh C không có quan điểm về việc giải quyết vụ án và không có yêu cầu phản tố.

3. Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; 56; 57; 81; 82 và 83 Luật HNGĐ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị T. Xử chị Dương Thị T được ly hôn với anh Lê Đức C. Giao con chung Lê Đức A, sinh ngày 29/3/2007 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Dương Thị T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Lê Đức C có địa chỉ khu 5, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Do vậy, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tổng đạt cho nguyên đơn và bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị Dương Thị T và anh Lê Đức C là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm xúc phạm đến nhau. Chị T và anh C sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên cùng chính quyền địa phương đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị T xác định tình cảm giữa chị và anh C không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh C. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn và không còn quan tâm dành tình cảm cho nhau là sự thật. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Dương Thị T với anh Lê Đức C là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh C có 03 con chung là Lê Đức D, sinh ngày 04/11/1997; Lê Đức Tr, sinh ngày 17/7/1999 và Lê Đức A, sinh ngày 29/3/2007 (cháu D và cháu Tr đã thành niên), hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Đức A, nguyện vọng của cháu Đức A mong muốn được ở với chị T để cháu có điều kiện được chăm sóc và học tập.

Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là trách nhiệm của các bên, mặt khác để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần về lâu dài cũng như theo nguyện vọng của con chung, nên giao cháu Đức A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Trong bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải và tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết, nếu sau này chị Tính có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nên chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Tính.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Dương Thị T được ly hôn với anh Lê Đức C.
2. *Về con chung*: Giao con chung Lê Đức A, sinh ngày 29/3/2007 cho chị Dương Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.
3. *Về án phí*: Chị Dương Thị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn chị T đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001644 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.
4. *Về quyền kháng cáo*: Có mặt nguyên đơn chị Dương Thị T, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn anh Lê Đức C báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:

- VKSND TX Q;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TX Q;
- Các đương sự;
- UBND phường H, TX Q(nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Điền